

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 40/2020/DS-PT

Ngày 03-3-2020

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần

Các Thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn, bà Lưu Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên –Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 03/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 254/2019/TBTL-TA, ngày 09 tháng 12 năm 2019, về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS – ST, ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐ – PT, ngày 05/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1947; địa chỉ: thôn 8, xã EL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn 8, xã EL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Từ Thị C, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn 8, xã EL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Ông Lê Văn M, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn 8, xã EL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Bà Dương Thị Tuyết T, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn 8, xã EL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn 8, xã EL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

- Ông Lê H, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn 6, xã EL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Đình O, sinh năm 1940; địa chỉ: thôn 8, xã EL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

- Ông Phan Văn H1, sinh năm 1945; địa chỉ: thôn 8, xã EL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

- Ông Từ Văn T1, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn 8, xã EL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

* Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Năm 1994, gia đình bà L được Ủy ban nhân dân huyện ES cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với thửa đất số 433, tờ bản đồ số 3, tại xã EL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk với diện tích 690m². Trong thời gian sử dụng đất thì chồng bà là ông Nguyễn Văn Đ (Đã chết) và ông Nguyễn Văn L1 có đổi thửa đất số 433 và thửa số 432 theo nhu cầu sử dụng vì mặt đường quá窄, sau khi đổi thì chiều sâu đất được dài hơn và hai bên cũng đều có mặt đường. Việc đổi đất do ông Đ và ông L1 tự thỏa thuận, không làm văn bản giấy tờ gì. Thời điểm ban đầu khi đổi đất bà L không biết, tuy nhiên một thời gian sau đến khoảng năm 1996 thì bà L biết việc đổi đất này nhưng do ông Đ có nói với bà là “Ông L1 là con cháu trong nhà” nên bà không có ý kiến gì. Tuy nhiên, khi bà L yêu cầu ông L1 làm giấy tờ thực hiện việc chuyển đổi đất cho phù hợp với quy định pháp luật để gia đình bà L được cấp GCNQSDĐ thì ông L1 không đồng ý. Do vậy bà L khởi kiện ông L1, yêu cầu Tòa án buộc ông L1 phải trả lại cho bà L thửa đất số 433, tờ bản đồ số 3, tại xã EL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk với diện tích 690m² mà ông L1 đã chiếm dụng.

Ngày 07/03/2019, bà L có đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện với nội dung: Bà L chấp nhận đổi đất cho ông L1 như ông Đ đã đổi trước đây và buộc ông L1 và bà C phải trả lại phần đất chênh lệch do đổi dư cho gia đình bà L giáp với phần đất của gia đình anh M, với diện tích là 255m², tại thửa đất 433, tờ bản đồ số 3, theo như kết quả Tòa án đã đo đạc, cụ thể:

- Phía Đông giáp đất nhà ông M có các cạnh dài 11,5m; 21,89m; 10,81m.
- Phía Tây giáp đất nhà ông L1 dài 45,45m;
- Phía Nam giáp đường liên thôn dài 5,3m;
- Phía Bắc giáp đất nhà ông H1 dài 4,9m.

Trường hợp ông L1 đã làm các công trình trên đất thì buộc ông L1 phải tháo dỡ để trả lại hiện trạng đất cho bà L. Bà L đồng ý trả giá trị 06 cây Điều mà ông L1 đã trồng trên phần đất mà bà yêu cầu ông L1 phải trả cho bà.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn L1 trình bày:

Thửa đất số 433, tờ bản đồ số 3, tại xã EL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk là do vợ chồng ông L1 tự khai hoang. Năm 1995, ông L1 có đổi đất cho ông Nguyễn Văn Đ (Là chồng của bà L) từ thửa đất số 432 lấy thửa đất số 433 của ông Đ. Khi đổi đất không ai đo đạc gì, không nói đổi diện tích bao nhiêu mà chỉ đổi để cho 02 thửa đất vuông vắn. Khi thỏa thuận đổi đất thì chỉ có một mình ông Đ thỏa thuận với gia đình ông L1, sau đó bà L cũng biết nhưng không có ý kiến gì. Quá trình sử dụng đất sau khi đổi từ năm 1995 đến năm 2014 thì phát sinh tranh chấp với bà L. Nay bà L yêu cầu gia đình ông L1 trả lại diện tích đất đổi dư khoảng 255m² có vị trí như bà L yêu cầu thì ông L1 không đồng ý và đề nghị giữ nguyên hiện trạng đất mà gia đình ông đã đổi với ông Nguyễn Văn Đ vào năm 1995.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Từ Thị C trình bày:

Bà C (Là vợ của ông Nguyễn Văn L1) đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Văn L1 và không có ý kiến gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M1 trình bày:

Ông M1 (Là con của ông L1) không rõ việc đổi đất giữa bố mẹ ông với gia đình bà L. Sau khi đổi đất thì bà L đã chuyển nhượng cho ông H (Ông H đã chuyển nhượng cho ông M). Bố mẹ ông M1 và gia đình bà L đã sử dụng đất ổn định từ năm 1995 cho đến 2014 thì phát sinh tranh chấp. Ông M1 đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Văn L1 và không có ý kiến gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M và bà Dương Thị Tuyết T trình bày:

Năm 1995, gia đình ông M, bà T nhận chuyển nhượng của ông Lê H diện tích đất có chiều ngang 13m, chiều dài theo hết lô đất không rõ cụ thể là bao nhiêu với số tiền 750.000 đồng, tứ cận như sau: Phía Đông giáp nhà anh chị T1, Phương; phía Tây giáp đất nhà L1 C; phía Nam giáp đường liên thôn; phía Bắc giáp nhà ông P.

Nay giữa bà L và ông L1 phát sinh tranh chấp ông M, bà T không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê H trình bày:

Năm 1995 ông H có nhận chuyển nhượng đất từ gia đình bà L, ông Đ. Trong năm, ông H chuyển nhượng lại cho ông M, bà T với số tiền 750.000 đồng. Nay giữa bà L và ông L1 phát sinh tranh chấp thì ông H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng ông Nguyễn Đình O, ông Phan Văn H1, ông Từ Văn T1 trình bày:

Về ranh giới đất của những gia đình này với gia đình ông L1, bà L từ trước đến nay không có tranh chấp gì, không ai lấn của ai, ranh giới đất giữa các bên được rào bằng hàng rào, sử dụng ổn định từ trước cho đến nay.

*** *Tại bản án số 08/2019/DS-ST, ngày 15/10/2019, của Tòa án nhân dân huyện ES, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 165; Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 74 Luật Đất đai 1993; Điều 167; Điều 170; Điều 190 Luật Đất đai 2013;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L. Buộc ông Nguyễn Văn L1 và bà Từ Thị C phải trả lại diện tích do đổi đất chênh lệch cho bà Nguyễn Thị Kim L là 255m² tại thửa đất số 432 và 433 tờ bản đồ số 03 tại thôn 8, xã EL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk có vị trí tứ cận:

Phía Đông giáp đất nhà ông M có các cạnh dài 11,5m; 21,89m; 10,81m; phía Tây giáp đất nhà ông L1 dài 45,45m; phía Nam giáp đường liên thôn dài 5,3m; phía Bắc giáp đất nhà ông H1 dài 4,9m. Diện tích 255m².

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải trả trị giá bằng tiền 06 cây Điều hơn 02 năm tuổi x 106.550 đồng/cây = 639.300 đồng cho ông L1.

Bà L được sở hữu 06 cây Điều hơn 02 năm tuổi do ông L1 trồng.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn L1 và bà Từ Thị C phải trả số tiền 6.000.000 đồng chi phí định giá và thẩm định đất cho bà Nguyễn Thị Kim L.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn L1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 2.250.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ES theo biên lai thu số 40695 ngày 19/4/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/10/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn L1 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo ông Nguyễn Văn L1 giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự khác giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L1; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DSST, ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện ES, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L1 làm trong thời hạn luật định và đóng tạm ứng án phí theo quy định nên Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, thì năm 1994 ông Nguyễn Văn Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 433, tờ bản đồ số 03 thuộc xã EL, huyện ES diện tích 690m² còn ông Nguyễn Văn L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất liền kề số 432, tờ bản đồ số 03 thuộc xã EL, huyện ES. Vào năm 1995, ông Nguyễn Văn Đ (hiện đã chết) có đổi đất với ông Nguyễn Văn L1 từ thửa 433 sang thửa số 432. Khi đổi đất các bên không lập thành văn bản, không xác định cụ thể diện tích đất đổi qua lại cho nhau mà chỉ chia ranh giới để sử dụng. Như vậy, sự việc đổi đất giữa các bên là có thật, các bên đều xác nhận sự việc này nên cần ghi nhận việc đổi đất giữa các bên.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L và đơn kháng cáo của ông L1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 14/4/2017 thì bà Nguyễn Thị Kim L khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông Nguyễn Văn L1 trả lại đủ diện tích đất hiện đang quản lý, sử dụng trên thửa đất số 433, tờ bản đồ số 03 tại xã EL, huyện ES mà chồng bà là ông Nguyễn Văn Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 07/3/2019, bà Nguyễn Thị Kim L có đơn thay đổi nội dung khởi kiện, đề nghị vợ chồng ông L1, bà C phải trả lại phần đất chênh lệch còn thiếu sau khi đổi cho bà L với diện tích 255m² giáp với diện tích đất mà ông Lê Văn M, bà Dương Thị Tuyết T hiện đang quản lý, sử dụng.

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ xác định được diện tích đất mà ông Đ có được sau khi đổi đất với ông L1 ít hơn diện tích đất mà ông L1 nhận được sau khi đổi đất với ông Đ là 255m². Căn cứ vào Biên bản thỏa thuận đề ngày 22 tháng 10 năm 2015 giữa bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn L1, bà Từ Thị C thể hiện:

“ Sau khi hai bên gia đình đến Tòa án làm việc thì đã thống nhất được với nhau về việc giải quyết tranh chấp giữa hai gia đình. Việc đổi đất giữa ông Nguyễn Văn

Đ (Chồng bà L) trước đây có đổi đất với ông Nguyễn Văn L1 là có thực, nhưng không làm thủ tục tại chuyển nhượng cho nhau tại Ủy ban nhân dân huyện ES. Nay do hai bên cần hoàn thiện thủ tục để kê khai cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chưa thống nhất được diện tích của hai thửa đất đã đổi cho nhau nên bà L yêu cầu ông L1 chuyển và đo đạc diện tích đất từ thửa 432, tờ bản đồ số 03 xã EL qua cho bà L đủ diện tích 690 m². Ông L1 không yêu cầu bà L chuyển đủ cho ông như diện tích ban đầu thửa thiếu tôi cũng chấp nhận.”

Như vậy, nội dung Biên bản thỏa thuận đã thể hiện ông L1, bà C đồng ý trả cho bà L diện tích đất còn thiếu sau khi đổi để bà L đủ diện tích 690m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Trên cơ sở đó, sau khi đo đạc thực tế xác định được diện tích đất đổi mà bà L còn thiếu là 255m², tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã đo đạc cụ thể ranh giới, mốc giới diện tích đất 255m² theo yêu cầu đòi đất của bà L và kết quả được thể hiện qua sơ đồ thửa đất kèm theo.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L1 về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mà cần giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 15/10/2019, của Tòa án nhân dân huyện ES, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên quyền của các đương sự về việc liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; đồng thời buộc Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải trả trị giá bằng tiền 06 cây Điều hơn 02 năm tuổi x 106.550 đồng/cây = 639.300 đồng cho ông L1 nhưng không quyết định lãi suất đối với số tiền mà bà L có nghĩa vụ phải trả là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 2.250.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ES theo biên lai thu số 40695 ngày 19/4/2017.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn L1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003099, ngày 30/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ES, tỉnh Đắk Lắk.

- Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn L1 và bà Từ Thị C phải trả số tiền 6.000.000 đồng chi phí định giá và thẩm định đất cho bà Nguyễn Thị Kim L.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bị đơn ông Nguyễn Văn L1 - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2019/DS-ST, ngày 15/10/2019, của Tòa án nhân dân huyện ES, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 165; Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 74 Luật Đất đai năm 1993; Điều 167; Điều 170; Điều 190 Luật Đất đai năm 2013;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L. Buộc ông Nguyễn Văn L1 và bà Từ Thị C phải trả lại diện tích do đổi đất chênh lệch cho bà Nguyễn Thị Kim L là 255m² tại thửa đất số 432 và 433 tờ bản đồ số 03 tại thôn 8, xã EL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất nhà ông M có các cạnh dài 11,5m; 21,89m; 10,81m; phía Tây giáp đất nhà ông L1 dài 45,45m; phía Nam giáp đường liên thôn dài 5,3m; phía Bắc giáp đất nhà ông H1 dài 4,9m.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải trả trị giá bằng tiền 06 cây Điều hơn 02 năm tuổi x 106.550 đồng/cây = 639.300 đồng cho ông L1. Bà L được sở hữu 06 cây Điều hơn 02 năm tuổi do ông L1 trồng trên diện tích đất 255m² mà ông L1, bà C có nghĩa vụ trả cho bà L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn L1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 2.250.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ES theo biên lai thu số 40695, ngày 19/4/2017.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn L1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003099, ngày 30/10/2019 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện ES, tỉnh Đắk Lắk.

[2.3] Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn L1 và bà Từ Thị C phải trả số tiền 6.000.000 đồng chi phí định giá và thẩm định đất cho bà Nguyễn Thị Kim L.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện ES;
- Chi cục THADS huyện ES;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Thuấn